

Số: 340/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1982;

Địa chỉ thường trú: Số 331 đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Địa chỉ liên hệ: Căn hộ 26.10, chung cư D, số 208 đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Mai Khánh V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 15 đường M, phường N, thành phố G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20/01/2022 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Y, tỉnh Z cấp ngày 13/10/2010 thì quan hệ hôn nhân của ông D và bà V là tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông D và bà V cảm thấy không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của ông D và bà V là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông D và bà V xác nhận trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là trẻ Nguyễn Gia Khải V, sinh ngày 14/02/2019. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao trẻ V cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ V 40.000.000đồng/tháng (Bốn mươi triệu đồng/tháng) cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung: Ông D và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Ông D và bà V xác định không có nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà V tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung D và bà Nguyễn Mai Khánh V thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà V theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 9, thành phố Vũng

Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13/10/2010 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Gia Khải V, sinh ngày 14/02/2019 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D cấp dưỡng cho trẻ V 40.000.000đồng/tháng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông D, bà V về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng.

Hai bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Thỏa thuận cấp dưỡng giữa các bên bị vô hiệu nếu nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba. Trường hợp này thỏa thuận cấp dưỡng sẽ được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông D và bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông D và bà V xác định không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Mai Khánh V chịu toàn bộ, được căn trừ số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2021/0025711 ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố B, tỉnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk. Trang).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương